

Bản án số: 18/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 06/3/2025

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Lam

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tráng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Đình V, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Xóm F, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: Bảo vệ Cà phê P, 247 – 249, Đường L, Phường F, Quận T, TP Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trương Thị N1 trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với anh Lê Đình V (Lê Hoàng V1) vào ngày 01 tháng 02 năm 1992 do hai bên tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đến năm 2004 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn bà Trương Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Đình V (Lê Hoàng V1).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Dương Minh A, sinh ngày 24/4/1993, Lê Đình Q, sinh ngày 25/6/2002. Các con đã trên 18 tuổi, trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Bà Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn ông Lê Đình V: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lần thứ 01, lần thứ 02; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 01, lần thứ 02; Quyết định đưa xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông, nhưng ông không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án.

Tại văn bản đề nghị đề ngày 25/02/2025 ông Lê Đình V có ý kiến: Vì điều kiện làm ăn xa ông không về tham gia phiên tòa được, ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị N, đề nghị Tòa giải quyết cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông và ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông Lê Đình V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Dương Minh A, sinh ngày 24/4/1993, Lê Đình Q, sinh ngày 25/6/2002. Các con đã trên 18 tuổi, trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị N và ông Lê Đình V (Lê Hoàng V1) là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 01/02/1992. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính

tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà Trương Thị N xin ly hôn thì ông Lê Đình V cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị N và ông Lê Đình V chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N, xử cho bà được ly hôn với ông Lê Đình V là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Dương Minh A, sinh ngày 24/4/1993, Lê Đình Q, sinh ngày 25/6/2002. Các con đã trên 18 tuổi, trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị N được ly hôn ông Lê Đình V (Lê Hoàng V1)

Về án phí: Bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0011899 ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã Hạnh Lâm, H. Thanh Chương
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

